

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh-Tây Ninh



**SỰ PHỤC SINH CỦA
CON NGƯỜI**

Khai Tâm Quách Minh Chương

Tài liệu lưu hành nội bộ (2022)

Khai Tâm Quách Minh Chương



Tòa Thánh Tây Ninh

Khai Tâm Quách Minh Chương

SỰ PHỤC SINH CỦA CON NGƯỜI

1. Định nghĩa về con người

a/ Đối với khoa học

Theo góc độ khoa học, **con người** là một sinh vật bé nhỏ trong tự nhiên bao la. Qua những biến đổi thăng trầm, tiến hóa, phát triển, sinh vật nổi trội hơn hết vẫn là con người. Vì vậy, con người có trí khôn và làm chủ muôn loài. Tuy vậy, người ta vẫn chưa có một định nghĩa chính xác và đồng nhất, mỗi người đều có khái niệm định đặt riêng về “sinh vật” này.

Con người vốn thông minh hơn bao nhiêu loài khác nên rất thành thạo việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, để biểu lộ những ý kiến riêng của mình và trao đổi thông tin. Con người tạo ra những xã hội phức tạp trong đó có những nhóm hỗ trợ nhau và đối nghịch nhau ở từng mức độ, có thể từ những cá nhân trong gia đình cho đến những quốc gia rộng lớn. Giao tiếp xã hội giữa con người và con người đã góp phần tạo nên những truyền thống, nghi thức, quy tắc đạo đức, giá trị, chuẩn mực xã hội, và cả luật pháp. Tất cả cùng nhau tạo nên những nền tảng của xã hội loài người.

Với duy vật thuyết, con người vận hành một cách vô thức và phi nhân cách. Có chăng sự tấn hóa và biến đổi do các năng lực xung quanh, thúc đẩy sự

vận hành tiến hóa lên trong màu sắc đa cách. Người ta còn cho rằng, trí tuệ con người cũng chỉ là sản phẩm của trí não. Nếu bộ não mất đi, tất cả đều tan biến, trở về con số không.

Các nhà bác học lại cho rằng con người từ thượng cổ dần dà phát triển theo điều kiện tác động, làm biến thể cấu trúc để đi đến thượng tần, phù hợp với xã hội tân tiến hơn. Và tất nhiên, những khái niệm này sẽ phản khắc lại học thuyết duy tâm, cho rằng con người là một “sản phẩm” của Đấng Thần Linh Tối Cao, năng lực siêu nhiên tạo ra và đưa đẩy con người trở về với nội thể huyền vi đó một bằng đời sống thánh hóa trong các khái niệm khuôn khổ tôn giáo đã định đặt.

Từ cái nhìn khái quát theo khoa học luận, con người tự thiết lập trật tự cho mình bằng cách định ra khuôn khổ pháp luật, điều chỉnh hành vi, lập tính quân bình trong xã hội cộng đồng. Mục đích ấy cũng chính để bảo vệ sự sống đồng đẳng lẫn nhau. Tuy nhiên, ở một bình diện thực tiễn, chúng ta vẫn thừa nhận rằng, mọi bất công đều hiện hữu khắp nơi, mạnh đặng, yếu thua, khôn còn, đại mất, chưa biết tuân thủ luật pháp để bảo vệ cái sống của nhau. Ngược lại, đó là những phi lý.

Chính những hiện trạng bất công tạo ra những hình thái loạn lạc, chiến tranh, máu đổ, lệ rơi. Bao nhiêu cuộc hành quân khát máu, đấu đá lẫn nhau để giành sống, bất kể trật tự, bất kể tình liên đới, miễn có

thể đem cho mình hạnh phúc thì con người đâu có tàn độc tới đâu, vẫn làm để chiếm hữu. Chưa bao giờ con người có thể an thân, vui vẻ, hát câu thái bình, âu ca lạc nghiệp. Xã hội ghét lẫn nhau, quốc gia này âm mưu xâm lược nước khác. Nên khoa học tối tân càng phát triển tốt độ, bao nhiêu công trình nghiên cứu vĩ đại cũng để phục vụ cho những cuộc đại chiến vì máu.

b/ Đối với duy tâm tôn giáo

Với tôn giáo, con người là một “chính hợp” hoàn bị nhất để tiến đến đời sống tâm linh, giã từ đời sống phong trần, gió bụi, thoát vòng tứ khổ, luân hồi. Trong nghĩa lý đó, con người phải có đời sống thánh thiện, hướng hoàn toàn đến chân-thiện-mỹ để trở về tự tánh vốn có. Đó là cái tự hữu, bất hư, bất diệt, tức là chân như. Như thế ấy, sự sống không còn vô nghĩa, tự khắc đời sống con người mang một ý vị mới, một chân dung hoàn toàn khác hầu tầm phương giải khổ, thoát cõi khổ, về với sự hằng sống.

Ý niệm về con người qua với lăng kính tôn giáo không khác mấy, duy chỉ đôi chút khác nhau cách biện chứng, luận giảng, thị hiện qua tôn chỉ giáo pháp của mỗi tôn giáo. Tự chung, đời sống con người còn vướng mùi tục lụy, cần gội rửa cho trong sạch, hướng đến tính chất cầu toàn nhất có thể. Ấy là giải khổ thể xác, tâm hồn, đưa “con người” trở về “**tự tại tự hữu**”.

Từ ý thức về bản chất hiện hữu của con người mang đầy đủ duy tâm, con người sẽ không hoang phí

từng hơi thở, đem mình vào cửa thiện lành, trau sửa thân, tâm, khẩu, ý cho vẹn vẻ. Tâm hồn đã bước sang một ngã rẽ mới, thoáng mở cách cửa tâm hồn, không còn bị câu thúc bởi sự ngạo mạng giữa Trời Đất bao la, biết ta, biết người, biết học thương yêu, thực hiện lý tưởng đời sống theo mục thước của mình chọn, định.

Nói một cách khác, con người tồn tại đều có nguyên căn của nó. Không vật chi ngẫu nhiên hiện hữu. Trí lự của con người từ từ khám phá đến cửa huyền vi, tự tánh khôn ngoan, tìm kiếm thức ăn tinh thân, đem mình giao cho tôn giáo “xử định” theo khuôn khổ hầu đổi lấy bức chân dung hạnh phúc tâm hồn, xa lìa hoàn toàn những huyền mộng, vô thường. Bởi lẽ, cuộc đời chỉ là một kiếp sống tạm, trăm năm của rã theo thời gian, trần gian là quán trọ, người người lần hồi ghé quán này, mai ghé quán nọ, học hỏi, “thu lượm” khi nào đủ “gia sản thiêng liêng”, để già từ quán trần thực thụ. Ấy là khái niệm về con người và cuộc sống qua góc nhìn tổng thể của tôn giáo.

- Đối với Phật Đạo

Dầu Phật Gia luôn chủ trương xóa bỏ cái “ta” để cầu toàn tâm thức, nhưng chẳng thể phủ nhận “chơn như” đang tồn tại. Cuộc đời tu nghiệp hẳn đã có mục đích để đạt quả vị nơi cõi Niết Bàn. Tức nhiên, bản thể con người đã vốn tồn tại hai năng lực thiện-ác. Phải làm sao tiêu trừ cái ác trong mình, vun đắp nền thiện đức để thánh hóa cái “ta” đang sống.

Phật Giáo cho rằng con người do bốn yếu tố thô, thúy, hỏa, phong cấu thành. Trăm năm tan rã, trả thân xác về cát bụi. Còn “tinh thần” kia hằng trường cửu nhưng phải nương thể xác, cần đến yếu tố vật chất, cũng như thân thể phải có tinh thần mới “sống”. Nghĩa là cái sống do tinh thần vi chủ, nhờ cái trí mới định đúng sai mọi sự. Vì thế, với Phật Tông, luôn dạy con người sống từ bi, trí huệ, có hành động tốt đẹp để khi thân xác không còn, tinh thần có thể sanh về cảnh giới an lành, hoặc chí ít cũng xóa giảm nghiệp tiền khiên.

Các vị Phật, Bồ Tát đã từng đi, cũng mang thân xác phàm tục như ta, nhưng các Ngài đã thành tựu viên mãn. Con người là một chủng tử bồ đề đang lớn dần trong chu trình tấn hóa “tinh thần”. Năng lực tinh thần ấy cũng dần phát triển, tấn triển lên cảnh giới cao, học và hành những nếp sống thánh triết như các Ngài. Nên, Đức Phật Thích Ca đã nói Ngài là Phật đã thành, còn chúng sanh cũng sẽ là những vị Phật sẽ thành trong tương lai.

Quả thật vậy, cuộc đời chỉ là giả tạm, sống gửi, thác về. Thân đều chứa tứ khổ, sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, tử khổ. Quanh năm vẫn đương đầu với khối khổ, phục vụ cho thi hài, cơm áo, gạo tiền, rốt chỉ đeo sầu, chuốc thảm theo nhân duyên, giả hợp. Đời sống của con người tồn tại theo chu kỳ “**tự nhiên**”, đến ngày giờ phải cởi bỏ lớp áo, thay áo mới. Tinh thần chính là chủ nhân của những lớp áo kia. Áo có thom

tho, sạch sẽ, có đặng an nhàn, thanh thoát đều nhờ vào hành tàng của tinh thần.

Trực thẳng và tóm gọn với Phật Giáo, con người vốn khát vọng về đời sống bất tử nơi thế giới cực lạc, là nơi con người mong mỏi hơn hết. Nơi đó chính là nơi của sự sống đúng với bản chất và năng lực của “tinh thần”, chẳng già, chẳng chết, bất sanh, bất tử, an lạc, tự tại. Tất nhiên, để đạt điều ấy, Phật Giáo đã khái quát hóa ý nghĩa đời sống con người, cũng vẽ lên chân dung của tứ khổ, dạy người giải khổ, thoát khổ. Con người sẽ phải nương giáo pháp để **minh tâm kiến tánh**, liễu quán đời sống.

Theo Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật Thích Ca đã khái quát hóa quá trình phát triển tâm thức của con người. Trong kinh, đề cập về mức độ của “tưởng” và “tình”. Tưởng được hiểu là lý tưởng và quá trình đạt đến “**vô ngã là Niết Bàn**”. “Tình” được coi là sự ái dục và chấp “ngã” của con người. Con người làm thế nào sống với trạng thái “vô ngã”, coi cái sống của mình như “vô tri”, “vô giác”, bẽ ngũ quan giữa cuộc đời đầy loạn động, mà tâm mình được an nhiên, thanh tịnh. Có như thế mới đoạn trừ được ái nghiệp, dục nghiệp, hướng đến tính chất vẹn toàn của tâm thức.

Về giới luật tu hành, có vô vàn luật định như Ngũ Giới Cấm; Bát Chánh Đạo, Bát Giới Quan Trai là Quan Trai Giới là sự giữ gìn cho thân tâm được thanh tịnh trong 24 giờ, ngăn chặn 8 điều tội lỗi bằng cách thọ 8 giới cấm, đồng thời phát huy 8

điều thiện lành do Đức Phật chỉ định. Giới tự tánh là những ai biết tu tâm tích đức lúc nào cũng an nhiên tự tại bằng lòng với những gì mình đang sở hữu không cảm thấy thiếu thốn thì người đó đang sống ở cõi Trời vậy. Giới cấm dùng những chất làm say tinh thần, làm buông lung tâm tánh; giới ngăn ngừa kiêu căng; Bồ Tát giới; giới của người xuất gia; giới sa di; cụ túc giới là làm giới thanh tịnh, căn thanh tịnh, mạng thanh tịnh, niệm thanh tịnh giúp thân tâm thanh tịnh, ngăn phòng việc ảnh hưởng khi tiếp xúc với trần, nuôi bản thân bằng những điều kiện chân chính nhất, giữ niệm thanh tịnh chánh giác và vô vàn các luật đạo khác.

Tóm lại, nhân sinh quan của Phật Giáo rộng lớn, hàm chứa giới luật quan trọng, đó là con đường thú đẩy tu tập của con người để tìm con đường giải thoát trong cuộc sống thế trần chứa nhiều khổ đau. Tu làm sao để hoàn chỉnh nhân cách, từ kẻ tham lam, sân si, ngu dốt, ngạo mạn...trở thành người có tấm lòng từ bi, khiêm nhường, tâm trong sáng như trăng. Chánh đạo của Phật Giáo là làm sao thu liễm thân tâm, làm lành, lánh giữ, tránh ác nghiệp, tạo thiện nghiệp, luôn luôn phấn đấu làm mọi điều hạnh phúc cho tha nhân. Con đường đó chính là Giới-Định-Huệ. Từ sự giữ giới luật, giúp cho con người định tâm rồi tiến tới đạt được huệ tâm.

Phật Giáo nói rằng Đức Phật khi xưa làm được thì con người cũng có thể làm được như Ngài. Tùy

căn cơ và ý chí, mà con người có thể lựa chọn pháp môn phù hợp cho mình để hành trì. Những điều chúng ta học hỏi tránh làm việc này tránh làm việc nọ, đó là giới tướng, là những điều luật ngăn cấm mà Đức Phật đã ban hành. Sau thời gian hành trì huấn luyện, những điều luật này đã trở thành một thói quen ăn sâu vào tiềm thức, nó biến thành những luồng năng lượng mạnh mẽ phòng hộ cho chúng ta không làm những việc ác mà có một nề nếp sống thiện lành tự nhiên.

Khi chúng ta đã trở thành một người luôn có những hành động thiện lành, tâm của ta lúc nào cũng thanh tịnh không tác ý tốt xấu, lúc bấy giờ giới tướng đã biến thành giới thể không cần phải nhắc nhở lặp lại những giới này những luật kia nữa. Muốn xứng đáng là người con của Phật, con người phải nép mình vào giới luật để có thể thúc liễm thân tâm, “**minh tâm kiến tánh**” quán tự tại, thoát khổ trầm luân, trở về nơi nguồn cội.

Trước tiên, con người phải giải bài toán của duyên cảnh hiện thời của mình. Phải giải thoát các nghiệp chướng đang ràng buộc lấy mình qua bao trăm ngàn kiếp, làm tròn bổn phận của con người, làm phần tử tốt đẹp của gia đình, xã hội, tái tạo nhân gian đạo đẹp, đức ngời, hòa bình, thân ái. Một khi còn thân người, phải tích cực tấy uế trước, tức là đang hướng đến thế giới tịnh độ trước mắt, tịnh độ nhân gian, thì thân sau mới mong về cõi tịnh độ vô hình.

- ĐỐI VỚI KHÔNG GIÁO

Để có quan điểm về con người một cách đúng đắn Khổng Tử đã bắt đầu lý giải về nguồn gốc, vai trò, vị trí và bản tính của con người. Quá trình nhận thức về nguồn gốc con người là một vấn đề khó khăn đòi hỏi phải trải qua một quá trình phát triển của nhân loại thì mới có thể lý giải một cách đúng đắn. Tuy nhiên, Đức Khổng Tử đã có cái nhìn về con người một cách khá toàn vẹn khi bắt đầu lý giải con người sinh ra từ đâu.

Trên quan điểm con người là một bộ phận không thể tách rời với tự nhiên, Khổng Tử cho rằng mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên đều vận hành theo quy luật âm dương. Con người tồn tại cũng không nằm ngoài quy luật ấy, cho nên lấy cơ thể mà nói, thì con người phải nhất luật tuân theo những nguyên lý âm dương biến hóa của đạo trời và cương nhu tương thối, của đạo đất. Việc dùng nguyên lý âm dương để lý giải cho nguồn gốc ra đời của con người của Khổng Tử đã thể hiện quan điểm duy vật chất phác góp phần vào việc chống lại quan điểm duy tâm thần bí. Khổng Tử đã xem giới tự nhiên là một phần không thể thiếu trong quá trình xuất hiện của loài người là một quan điểm hết sức tiến bộ lúc bấy giờ.

Trong quan điểm của mình, Đức Khổng Tử đề cao vai trò và vị trí của con người trong xã hội. Ông xem con người là vấn đề quan trọng nhất dẫn đến sự thịnh, suy của một triều đại. Tuy nhiên, Đức Khổng

Tử cho rằng mỗi con người trong xã hội đều có một vai trò nhất định. Vai trò đó của mỗi con người là không giống nhau nên con người có những suy nghĩ và hành động khác nhau. Đức Ngải chia xã hội thành hai loại người, đó là người quân tử và kẻ tiểu nhân, người quân tử có vai trò dẫn dắt, còn kẻ tiểu nhân có vai trò tuân theo. Nếu đặt con người trong mối quan hệ với tự nhiên thì con người lại có vai trò phụ thuộc vì Khổng Tử xem trời là đáng tối cao vô thượng nên con người phải luôn phục tùng mệnh lệnh và ý chí của trời.

Từ sinh tử, thọ yếu, may rủi, họa phúc, quý tiện của sinh mệnh và số phận con người đến sự còn mất, hưng vong của các triều đại đều do trời chi phối. Đức Khổng Tử đề cao Thiên mệnh và ông cho rằng con người phụ thuộc vào Thiên mệnh:

“Đạo ta nếu được lưu hành, ấy cũng do mạng trời. Đạo ta nếu phải vong phế, ấy cũng do nơi mạng trời”.

Do tin vào Thiên mệnh nên Khổng Tử coi sự hiểu biết và hành động của con người theo mệnh trời là điều kiện tất yếu để trở thành người hoàn thiện. Bởi”

“Chẳng hiểu mạng trời, chẳng đáng gọi là quân tử”.

Do tinh vào mệnh Trời, nên Đức Ngài đã đánh giá vị trí con người trong thế giới hoàn toàn lệ thuộc vào:

“Người quân tử có ba điều kính: kính sợ mạng Trời, kính sợ bậc đại nhân, tức là người chức phận lớn, đức hạnh cao; kính sợ lời dạy của Thánh Nhân”.

Hơn nữa, theo Khổng Tử thì Trời - người - quỷ thần có mối quan hệ với nhau. Trong đó quan hệ giữa trời và người là một trong những giá đỡ hữu hiệu để các thế lực trong xã hội thần thánh hóa vai trò của người đứng đầu. Trên giá đỡ đó, các nhà tư tưởng đã cố gắng biện hộ cho quyền lực và sức mạnh của thế lực cầm quyền trên mặt đất. Và nhà vua có vai trò là cầu nối quan trọng giữa các thế lực siêu nhiên với dân chúng. Mặt khác Đức Khổng Tử cũng thấy được vai trò của con người trong việc cải tạo thế giới chính vì thế, ông cố ý tránh né nói đến cái chết, khuyên con người hãy quay trở về sống thực, sống cho đúng đạo làm người. Từ đó ông đề cao trí tuệ của cá nhân để giúp con người trong xã hội hiện thực.

Xuất phát từ quan niệm về nguồn gốc, bản tính và vai trò, vị trí con người, Đức Khổng Tử đã đưa ra quan điểm về giáo dục con người trong tư tưởng triết học của Đức Ngài. Mục đích của giáo dục là làm cho con người sống đúng với chính danh định phận, đưa con người vô đạo trở về có đạo.

Đức Ngài đã khái quát và phân chia các mối quan hệ xã hội ra thành những mối quan hệ như: vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè. Giữa các mối quan hệ đó, đều được quy định bởi những chuẩn mực, giá trị đạo đức nhất định, để đảm bảo cho người nào cũng có trách nhiệm, bổn phận chính đáng của người ấy. Trong đó, vua phải huệ, tôi phải trung, cha phải từ, con phải hiếu, chồng tình nghĩa, vợ phải tòng, anh lương, em kính đễ, bạn bè phải tín nghĩa. Để xã hội ổn định theo Khổng Tử, ai mang danh nào thì phải sống và làm việc với đúng với cái danh đó. Phương pháp hiệu quả nhất để ổn định trật tự xã hội là phải thực hiện giáo hóa đạo đức bằng lễ nghĩa cho mọi người chứ không phải bằng hình pháp. Vì:

“Nếu nhà cầm quyền chuyên dùng pháp chế, cấm lệnh mà dẫn dắt dân chúng; chuyên dùng hình phạt mà trị dân, thì dân sợ mà chẳng phạm phép đó thôi, chớ họ chẳng biết hổ ngroi. Vậy muốn dẫn dắt dân chúng, nhà cầm quyền phải dùng đức hạnh; muốn trị dân, nhà cầm quyền phải dùng lễ tiết”.

Đức Ngài định rằng nếu con người chẳng có giáo dục thì dù tâm có tốt đẹp, ngay thẳng thì vẫn bị điều ám muội đeo đuổi, che phủ cái thiện, làm cho phóng dãng, lầm lạc, phản trắc, phi nhân. Khi xã hội bị loạn lạc, nếu con người chẳng ra tay giúp sức, cứu đời, độ dân, làm bình trị xã hội thì không phải là người trí.

Nho Giáo định con người vẫn không ngoài chủ thuyết:

“Thiên địa vạn vật đồng nhất thể”.

Nghĩa là “Trời đất và vạn vật có cùng một thể với nhau”. Vì thế, Nho Giáo lấy căn bản **thiên lý lưu hành** chứa ba điều cốt tủy là: một là có hệ tín ngưỡng với Trời Đất và cho rằng Trời-Người luôn tương quan chặt chẽ lẫn nhau. Hai, với việc thi hành, Nho Giáo luôn lấy thực nghiệm chứng minh làm trọng. Ba, dụng trực giác con người để làm cái khiếu kiểm hiểu sự vật hiện tượng trong trời đất.

Con người có thể tương liên, tương cảm, tương ứng với trời đất được là vì con người thọ bẩm Khí và Lý của trời đất. Mỗi liên hệ ấy luôn luôn đã sẵn có trong mỗi người, nhưng chỉ vì con người để trôi lên lòng tư dục ham muốn cá nhân đè nén cái thiên lương mà làm cho thần trí rối loạn, lòng bị ám muội nên sự liên hệ ấy trở nên mờ nhạt. Nếu con người giữ sự quân bình, không chế tư dục, trực giác, con người sẽ trở nên mẫn huệ, lãnh ngộ nhiều điều huyền bí siêu nhiên từ tâm thức, tức là sợi dây tương thông được lưu hành, cảm ứng cùng trời đất. Con người vốn là một tiểu thiên địa, còn Trời Đất là một đại thiên địa, nên có sự quan hệ chặt chẽ là đương nhiên.

Nho Giáo quan niệm rằng hồn, phách, khí tạo nên sự sống con người. Chết cũng chẳng phải hết. Cái chết là hình hài xác thịt, xương cốt bị tàn trở về đất.

Còn Đạo của Không Tử là tu thân, dưỡng tánh, làm cho đức sáng đến vô cùng, sống nhân nghĩa, đức nhỏ thì phân minh như nước sông chảy, đức lớn thì đôn hậu, sanh hóa vô cùng, tùng theo luật thiên lý. Cho nên, nếu sống theo đạo của Ngài dạy khi chết, khí chất bay lên không trung sáng rõ trong vũ trụ. Khí tinh anh trong con người thì gọi rằng **tâm**. Nên tâm là cái thân minh Trời ban cho để hiểu các sự vật. Tia sáng ấy sẽ trở về gốc, chết chỉ là trạng thái hủy hoại thân xác. Nên gọi là “*sinh ký tử quy*”, “nghĩa là sống gửi thác về”, hay:

“*Nhân sinh hữu khí, hữu hồn, hữu phách. Khí, Hồn, Phách hội chi vị sinh*”, nghĩa là người sinh ra có khí, có hồn, có phách. Khí, hồn, phách hiệp thành tạo nên sự sống.

Một cách tóm tắt, Khổng Giáo định con người có can hệ từ Vô Cực, Thái Cực, phải theo thiên lý tuần hoàn, trở về bản chất thật là người thiện lành, quân tử chính danh. Nên, chủ trương đã hướng con người về **cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ**. Mỗi bước là một hành trình, một nấc thang tấn hóa lên mãi cho cuộc đời đủ ý vị đạo lý, hướng đến kiếp sanh có ý nghĩa giữa Trời Đất. Do vậy, Đức Không Tử cũng không quên dạy “**tôn tâm dưỡng tánh**”, ấy là một phần cốt tủy. Những mục thước và bao nhiêu công thức cũng không ngoài mục đích “**tinh thần**” được hàm dưỡng phù hợp lòng Trời.

- Đối với Thánh Giáo Đa Tô

Đức Thiên Chúa tạo ra con người theo hình ảnh của Đức Ngài. Trong kinh Tân Ước “hình ảnh Thiên Chúa”, thánh Phaolo áp dụng Đức Kito là hình ảnh vô hình của Đức Thiên Chúa, là trưởng tử sinh ra trước mọi loài thụ tạo, Đức Kito chính là người phản ảnh vinh quang và hình ảnh trung thật của bản thể Đức Thiên Chúa.

Một mặt khác, Kito Giáo xem “hình ảnh của Thiên Chúa” là những người đại diện cho Đức Ngài, thay Ngài trị loài người. Ngoài ra, quan niệm về hình ảnh Thiên Chúa thường gắn liền với việc phụng tự thần linh. Tuy nhiên, ở góc độ khác, con người là hình ảnh của Đức Thiên Chúa nhưng “tình trạng” không còn nguyên thủy, sai lệch với cái bản thủy sơ khai vốn có. Theo lời trích dẫn của Thánh Phaolo trên, “hình ảnh chúng ta” phải hiểu, có người cho rằng đây là một di tích của tín ngưỡng đa thần. Có người cho rằng Thiên Chúa bàn bạc với triều thần thiên quốc. Sau cùng, có người đã muốn nhìn thấy phảng phất màu nhiệm Chúa Ba ngôi.

Theo truyền thống Kito Giáo, “hình ảnh Thiên Chúa còn được hiểu ở nhiều đa phương diện. Con người vốn mang trong lòng khao khát hướng về Đức Thiên Chúa, bản tính con người là đi tìm chân-thiện-mỹ, muốn biết Đấng Tối Cao và yêu kính tuyệt đối. Con người có lý trí, ý chí, khả năng định đoạt, có khả năng yêu thương, có tinh thần tâm linh hướng thượng,

con người mang trong mình một khả năng sáng tạo bằng việc canh tác, lao động và quản lý vũ trụ.

Con người có khả năng đi tìm Đấng Thiên Chúa và yêu mến Đức Ngài, chính vì vậy con người luôn muốn tìm hiểu Đức Tuyệt Đối để yêu kính trọn vẹn tuyệt đối. “Hình ảnh Thiên Chúa” theo một nghĩa năng động, đặt trong bối cảnh của lịch sử cứu độ. Một đặc trưng của quan điểm thần học về con người là nhìn nhận tình trạng tội lỗi của con người. Kinh thánh cho chúng ta biết rằng con người đã được dựng nên trong tình nghĩa với Thiên Chúa. Tiếc rằng mối tương quan ấy đã bị sút mẻ do tội lỗi của con người. Sự rối loạn trong tương quan với Thiên Chúa cũng lôi theo những rối loạn của các tương quan khác.

Giáo Hội Kito Giáo hiện đại đã có cái nhìn mới mẻ trong vấn đề này. Cần phải hiểu hình ảnh Thiên Chúa bao hàm nghĩa toàn diện, bao trùm toàn thể con người, gồm hình hài và cả linh hồn. Tuy nhiên, hình ảnh Thiên Chúa đã bị sút mẻ vì tội tình của nhơn loại, vì con người do “tự chủ” mà sống buồn lung, cắt sợi dây liên lạc với mạch sống truy nguyên.

Mục tiêu cứu cánh của chủ thuyết Thánh Giáo Gia [Da] Tô không ngoài chủ đề “giải thoát” khỏi nô lệ của kiếp sanh, trở về nước Thiên Đàng, là nơi thực thụ vĩnh sanh, hằng sống, bất sanh, bất tử. Nên, truyền thống và toàn thể nghi thức sùng ngưỡng của thể thức đã bày tỏ được ý nghĩa chân dung của con người bắt nguồn từ đâu.

Cụ thể hóa, con hiện hữu do sự “thụ tạo” và hiển nhiên hay tự nhiên. Quy luật sinh tồn để thăng tiến và trở về với đời sống thật, là nước hằng sống, trở về với Đấng Cha lành nơi cõi hư linh. Muốn vậy, người người Kito hữu phải phụng sự cho nhau, vun đắp nền đạo, yêu thương trong vòng tay của Đức Chúa Trời, đem “tinh thân” dâng nạp cho Đấng ấy làm chủ sự sinh sống của mình bằng cả đời sống.

- Đối với Tiên Giáo

Đức Lão Tử chủ trương trên hết về quy luật của đạo để thấy sự tồn tại của con người giữa lòng vạn vật. Từ đạo duy nhất mới có vạn linh. Con người là một linh tử từ đạo sanh ra, rồi cũng nhờ đạo, con người tìm lại chính nguồn gốc khởi thủy. Nên, có đạo ở đời, đạo trị nước, tức là một phần gắn liền với yếu tố con người, để con người hoàn thiện cuộc sống thế trần.

Đối với Đức Ngài, dùng là đạo trời đất, là quy luật tự nhiên, tức là chân lý hằng hữu, bất dịch tạo dựng càn khôn, đó thuộc về vũ trụ quan. Ngũ cảnh thứ hai, chữ “**đạo**” trong phần nhân sinh quan được hiểu là con đường hay phương pháp trị nhân, trị thế, trị nước, tức là phạm trù nhân sinh quan của Tiên Giáo.

Đức Ngài cho rằng trời được đạo mà trong, đất được đạo mà yên, thần được đạo mà linh, vạn vật được đạo mà sinh, vua chúa được đạo mà làm chuẩn tắc cho thiên hạ. Nếu trời chẳng trong thì sẽ vỡ, đất

không yên thì sẽ lở, thân không linh thì sẽ tan mất, vạn vật không sinh thì sẽ diệt, vua chúa chẳng cao quý thì sẽ mất ngôi. Sang lấy hèn làm gốc, cao lấy thấp làm nền, không muốn được quý như ngọc thì bị khinh như sỏi. Vạn vạn trong thiên hạ từ “**có**” mà sinh ra, “**có**” từ “**không**” mà thành.

Đức Ngài cho biết rằng ai cũng cho cái đẹp là đẹp do đó mà sinh ra cái xấu. Ai cũng cho cái thiện là thiện, do đó mà phát sinh ra quan niệm cái ác vì có cái “**có**” và cái “**không**” bên trong ấy, dễ và khó tạo lẫn cho nhau, ngắn dài làm rõ cho nhau, cao thấp dựa vào nhau, trước sau theo nhau. Đức Ngài cho rằng lý do chính vì nhân dân mỗi ngày càng dần xa đạo, không sống thuận tự nhiên, mất đi tính thuần chất phác, mang nhiều dục vọng, càng thông minh lại càng tham muốn, ái dục, xảo trá, tranh giành, chém giết lẫn nhau. Trong phần này, Đức Ngài chủ yếu đi vào hai vấn đề chính yếu là “**xử kỷ**” và “**tiếp vật**”.

Đức Ngài dạy:

“Ta không làm gì mà dân tự cải hóa, ta ưa thanh tĩnh mà dân tự nhiên thuần chính, ta không thi hành giáo lệnh mà dân tự phú túc, ta vô dục mà dân tự ra chất phác”.

Ta thấy “**vô vi**” của Ngài không phải là không làm gì mà là làm theo luật tạo hóa, thuận tự nhiên. Công dụng của vô vi rộng lớn nên có thể chuyển hóa hoàn toàn xã hội theo hướng tích cực. Kỳ thực, lộ

trình thực hiện phương pháp trị quốc “vô vi” là áp dụng tuân tụt, giảm thiểu dần những cái tệ hại trước, tinh giảm bộ máy cai trị cho bớt rườm rà đến mức tối thiểu có thể. Đức Ngài còn nhắc đến cách bình trị bằng cách “không nói” mà dạy dỗ dân. Ở bình diện này, vạn vật có quy luật sinh trưởng hoàn toàn, nên sự can thiệp nhiều sẽ mất đi lẽ tự nhiên.

Cho nên, con người đối với Tiên Giáo, đó là “đạo sinh trưởng” và trở về tính chất thuần phát của nó. Con người cần thực hiện phép dưỡng sinh, vận động dưỡng thân, tĩnh tọa dưỡng thần, ăn ít dưỡng thể, ít nói dưỡng khí, thi họa dưỡng tính, làm việc dưỡng đức, thành thật dưỡng phẩm, khoan hậu dưỡng phúc, nhân từ dưỡng thọ.

Đối với Đức Lão Tử, Đạo bản nguyên của càn khôn vạn vật và có trước hết, là nguyên lý dịch chuyển, biến sanh. Đức Ngài khẳng định vạn vật có nguồn gốc và nguồn gốc ấy chính là mẹ của vạn vật và có trước Đấng Thượng Đế.

“Có một vật gì đó hỗn độn mà thành trước cả trời đất, có thể coi là mẹ của vạn vật trong thiên hạ”.

Chính vì không biết tên gì nên Ngài đặt tên là “**đạo**”. Chữ này để ám chỉ cái bản thủy nguyên lai của trời đất vạn vật. Ngay cả dùng chữ đạo cũng là một cách cưỡng cầu để mô tả, thế nên ngay đầu tiên về vũ trụ quan, Đức Ngài nói:

“Đạo mà có thể diễn tả được thì không phải là đạo vĩnh cửu bất biến. Tên mà có thể đặt ra để gọi nó thì không phải là tên vĩnh cửu bất biến”.

So với cái đạo huyền biến, vô biên vĩnh cửu và bất biến Ngài nói, con người chỉ là phần tử vô cùng nhỏ như hạt cát giữa vạn vật, đời sống lại ngắn ngủi so với cái vô thủy, vô chung. Rõ ràng rằng vì con người chỉ chứa một năng lực giới hạn bó hẹp trong việc nhận thức, lĩnh hội về ý nghĩa của đạo phần nào đó mà thôi, nên Ngài không chứng minh gì nhiều. Theo Đức Ngài, một vật thể để định tên, phải biết định tính, có hình tượng, trong khi đó nơi đâu cũng là đạo, lan tràn khắp nơi, trên dưới, trong ngoài nên đặt tên cho “bản nguyên” là việc làm không thích hợp.

Với Ngài, không gian có thể hữu hạn nhưng thời gian thì vô thủy vì vạn vật sinh ra từ đạo, mọi thứ biến hóa rồi cũng sẽ quay về đạo như thuở đầu. Trong dòng thời gian vô chung ấy, đạo đã xuất hiện và điễm ấy gọi là “khởi thủy”. Khi nói về đạo, Đức Ngài dùng chữ “đại” để biểu tả cái bao la của đạo vì do đạo mới có vạn thể, vạn thể sinh biến rồi quay về nguồn gốc. Về hình trạng của đạo, Ngài không tả vì đạo vốn vô hình, không âm, không sắc. Nếu truy cứu đến cùng, cũng chẳng biết được gì. “Di” là không sắc, “hi” là vô thanh, “vi” là vô ảnh.

Thế nên, con người do đạo sanh ra, con người phải nương đạo để phản tiên, trở về cái thực của nó. Chủ trương của Lão Giáo không ngoài mục đích là **tu**

tâm luyện tánh, theo lý phản phục theo thiên lý Trời Đất.

- Đối với Cao Đài Giáo

Con người là người, hay là chúng sanh, có trí khôn hơn các loài vật khác, nên được xem là thượng đẳng, đứng vào hạng Tam Tài là Thiên-Địa-Nhân. Theo triết lý Cao Đài, con người được phú ban đủ tam thể xác thân, là thân thể vật chất, chơn thân, chơn linh.

*“Mê tâm là chốn đọa **con người**,
Vương bá công hầu lụy mấy mươi”
[Thánh Thi Hiệp Tuyển]*

Đệ nhất xác thân là hình hài cấu dục, do thọ bả tinh cha, huyết mẹ mới nên, tức là một phần dương, một phần âm hiệp nhất. Đệ nhị xác thân là chơn thân, do Đức Phật Mẫu nắn tạo, một xác thân bán hữu hình linh diệu. Đệ tam xác thân là chơn linh, do Đức Thượng Đế phú ban, đó là một điểm linh quang, một tiểu minh vũ trụ thu nhỏ, một chiếc thân từ đại hồn vũ trụ. Nên, con người sống là để thu lượm, tiến tu, trở về nguồn cội thiêng liêng, hòa với khối Đại Hồn kia.

Con người là loài linh hơn các loài vật là bởi vì: Thứ nhất con người phải qua muôn nghìn kiếp tiến hoá, từ vật chất, thảo mộc, thú cầm, rồi mới chuyển hoá đến Nhơn loại. Thứ nhì con người có ba phần hồn: Sanh hồn, giác hồn, linh hồn, mà loài vật chất thấp nhưt kim thạch, là loài vô tri vô giác, kim thạch tiến

lên thảo mộc thì có một hồn là sanh hồn, thảo mộc tiến lên thú cầm thì có được hai hồn là sanh hồn, giác hồn, thú cầm tiến lên con người thì có đủ ba hồn: Sanh hồn, giác hồn và linh hồn. Con người nhờ Sanh hồn mới có được sự sống, Giác hồn mới có cảm giác, biết đau đớn khổ sở và Linh hồn mới khôn ngoan, biết đạo lý, suy xét đủ điều, nên con người đứng vào hàng phẩm tối linh.

Nhờ cơ bút thông công kết nối giữa hai thế giới, Đức Thượng Đế giảng dạy:

“Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong càn-khôn Thế-Giới thì khí Hu-Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái-Cực.

*Thầy phân Thái-Cực ra Lưỡng-Nghi, Lưỡng-Nghi phân ra Tứ-Tượng, Tứ-Tượng biến Bát-Quái, Bát-quái biến-hóa vô cùng, mới lập ra Càn-Khôn Thế-Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật-chất, thảo-mộc, côn-trùng, thú-cầm, gọi là **chúng-sanh**”.*

Vì vậy, con người là chúng sanh, nằm trong “vạn vật”, nhưng cái sống thặng hoa hơn các hạnh bậc kia. Con người vẫn nằm trong cái sống của Thái Cực, đang tán hóa đến ngày giờ sanh hoa, kết trái, đặng hội hiệp cùng nguồn cội thiêng liêng theo luật định. Con người nằm trong luật sanh hóa của Càn Khôn, có Dương Âm phối nhất, mới tạo ra hóa nhân, nguyên nhân, Phật, Tiên, Thánh, Thần.

❖ Nhân định chung

Quan niệm con người của khoa học duy vật luôn đối kháng với duy tâm tôn giáo từ xưa đến nay. Một bên hữu thân, một bên vô thân, chưa bao giờ có điểm chung về mấu chốt căn bản nhất về sự hiện hữu của sự tồn tại.

Qua góc nhìn của tôn giáo, con người vẫn hiện sinh với cấu trúc huyền diệu, đủ khả năng thoát khỏi những lớp trần, thay đổi từ hạ tầng sang thượng tầng, tức con người có hai phần, phần xác và phần “tinh thần” hay hồn. Dầu mỗi tôn giáo có danh xưng đối với thực thể “con người” có khác nhau về danh từ, nhưng chung quy đều ám chỉ **chơn thể** đang trường lưu và đang trên đường giục tấn.

Các giáo pháp đưa ra đều do lệnh của Đức Thượng Đế giáng ban mỗi đạo ứng với mỗi thời kỳ để thúc đẩy “tinh thần” ấy thoát khỏi nhục thể, bỏ mê tân hồng trần, thánh hóa đời sống bằng khối đức tin chánh chơn để thanh sạch, an tĩnh, liễu ngộ chơn đạo, trở về tự tánh thường tại. Tôn giáo dạy “minh tâm kiến tánh”, “tu tâm luyện tánh”, “tồn tâm dưỡng tánh” thì cũng đều tập trung về bài toán của chữ “**tánh**”, tức là một thực thể đang vận hành, sinh hóa, nổi trôi giữa dòng đời bất tận, chưa có lối thoát khỏi ngục tù của trần gian.

Như thế ấy, con người dầu khôn, dầu đại cũng không thoát khỏi đạo Trời Đất, vẫn tồn tại dưới bầu

nhật nguyện hằng chiếu soi, chịu mặt luật công bình thiêng liêng, chịu câu thúc của phạm chất hoặc giáo độ của thánh tâm mà vươn mình lên khỏi trần cảnh lao lung này. Dầu muốn, dầu không, sự hiện hữu “bất đắc dĩ” là đạo hóa sanh. Con người là một biểu hiệu của ánh sáng đạo. Chính con người phải thừa nhận sự minh triết ấy trong tinh thần phân khởi và giục lòng tu niệm để hưởng trọn ân huệ của sự sống đang rộn rã, sôi nhip hằng ngày, để có ngày hòa âm, đồng quyện với âm thanh của vũ trụ.

2. Định nghĩa về sự phục sinh

Phục sinh là trạng thái sống trở lại hay là phục hồi sự sống. Con người đã từng sống và “đã chết”, nhờ ơn huệ thiêng liêng trải qua các thời kỳ giáo độ của ơn Trời, con người trở về trạng thái phục sinh trong vòng tay dìu đỡ của Đấng Tối Cao.

“Hội Bàn Đào, Diêu Trì Cung,

***Phục sinh** đào hạnh rượu hồng thưởng ban”*

[Kinh Tận Độ]

Hễ đề cập về sự phục sinh của con người, đồng nghĩa với con người đã từng sống một cách linh thiêng, nhưng rồi cũng đã từng chết đi. May nhờ ơn trạch của Đấng Thượng Hoàng, con người lại được phục sinh trong ơn sủng mời gọi của Đấng đó, để cứu độ con người ra khỏi vòng tội lỗi.

Thực vậy, con người là chúng sanh do **đạo** sanh ra, nương đạo để tấn hóa. Chúng sanh có nhiều cấp độ

khác nhau như Thánh Giáo của Đức Thượng Đế giảng dạy trên. Nhưng con người đã từng gieo tội lỗi, rơi vào vòng tội lỗi, trầm mình trong chôn lao tù, không mong chi thoát ra cảnh ấy, như đã sống và chết đi trong vô vọng. Nhờ lòng thương yêu và đức háo sanh vô cùng tận của Đức Thượng Đế, con người lại được phục sinh, tiếp tục con đường giải khổ, tìm lại chính mình, tìm lại con đường thiêng liêng hằng sống, nối nhịp cầu hữu hình và vô vi, giục tấn, trở về lại bản nguyên sơ khởi.

3. Tội lỗi của con người

Con người là “sản phẩm” tối linh của Đức Chúa Trời, nằm trong cơ sáng thể, phân tánh, giảng sanh, chiết thân của Đức Thượng Đế. Khi đã tấn hóa lên làm người, con người lại tiếp tục giục tấn, nương thuyền đạo vượt khơi, để trở về lý phản phục, hườn nguyên thể tánh, lánh giả, tầm chơn, hội diện với Đại Ngã vũ trụ.

Trong chu trình tấn hóa của quả địa cầu mà chúng ta đang ở, đã trải qua hai thời kỳ phổ độ của Đức Thượng Đế, cũng đã hai lần con người bội phản đường ấy với Thiên-Nhân hòa ước. Con người trở nên bất đức, xa cội nhánh, quên thánh chất, phủ đầy phạm tâm, cho đến đổi làm chơn giáo biến thành phạm giáo, không khả năng đem con người trở về cõi thiêng liêng.

“Ôi! Thầy sanh các con thì phải yêu-trọng các con chẳng cùng, mà Thầy cho các con đến Thế-giới

này với một thánh-thể thiêng-liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành, các con lại không chịu, nghe điều cảm-dỗ mê-luyến hồng-trần, ăn cho phải bị đọa, dâm cho phải bị đày, nên chịu nạn áo cơm, dục quyền câu lợi”.

Đức Thượng Đế là chơn lý tối thượng, là đạo Trời, là Đấng Thượng Hoàng, Đức Chúa Trời, là “nguyên nhân”, là “bản thể” của vạn vật, là gốc của càn khôn. Đức Ngài đã cho chúng ta một thánh thể thiêng liêng như hình ảnh linh diệu như Đức Ngài. Nhưng sự mê luyến trần gian, làm cho con người bất đức, phải chịu cảnh đọa đày, chịu thúc phục dưới vòng vay vay-trả trả nghiệp oan gia, kiếp trái.

Sự thương yêu dường ấy đồng nghĩa với mối quan hệ mang tính chất thiêng liêng giữa con người và Đức Thượng Đế. Nhưng chúng ta đã cắt đứt sợi dây thân ái, tự đày đọa, gây bất đức đối với Đức Đại Từ Phụ. Chẳng khác nào chúng ta “**đã chết**” đi trước mặt Đức Thượng Đế.

Khái niệm “thánh thể thiêng” đã có liên đới rất mật thiết với khái niệm truyền thống của Kito Giáo. Đó là tội nguyên tuyền và tội truyền thụ. Từ thánh thể thiêng liêng và sợi dây tương thông mật thiết giữa con người và Đức Thượng Đế, con người đã vô tình đánh mất, trở nên là người tội lỗi, xa vòng tay thánh linh của Đấng Chúa Tể.

Thánh Giáo Gia Tô coi **thân thể con người** tồn tại dưới sự tác động của Đức Thiên Chúa, chi phối toàn bộ hệ thống ý thức và diễn sinh trong cuộc đời con người. Có lẽ, bản tính và nguồn gốc linh diệu là trọng điểm quan trọng khi bàn về con người. Nghĩa là con người vốn là hình ảnh của Đức Thiên Chúa. Sự hiện diện của chúng ta là nhờ vào hồng ân cũng như thay thế thánh thể Đức Ngài qua hành động đạo đức.

Chúng ta chưa hề có cơ sở để phủ định rằng Đạo Kito đã cho con người thấy được toàn bối cảnh của một sự giao ước giữa Thượng Đế và con người. Đức Chúa Trời xuất hiện trong lòng con người không chỉ với vai trò Đấng Sáng Thế vũ trụ, mà là như một người bạn của con người, mời gọi con người chia sẻ cuộc sống với Người. Con người không chỉ có những tương quan với đồng loại và với trái đất, nhưng tiên vàn còn có tương quan với Đức Thiên Chúa nữa.

Điều đáng nói ở đây là Thiên Chúa Giáo đề cao **tự do của con người**, tự do để **chấp nhận** hoặc **khước từ lời mời gọi** của Thiên Chúa. Lịch sử cứu độ được thêu dệt bởi một chuỗi những lần khước từ hoặc chấp nhận giao ước. Thánh Phaolô đã tóm tắt hai thái độ điển hình nơi ông Ađam và nơi Đức Kitô đã làm thay đổi bộ mặt lịch sử nhân loại: vì ông Ađam **đã bất tuân Thiên Chúa**, cho nên ông đã mở cửa cho tội lỗi và sự chết len vào đời; đối lại, nhờ Đức Kitô, đã tuân phục Thiên Chúa, cho nên nhân loại đã được tái sinh, khởi đầu cho cuộc tạo dựng mới.

Từ đó, cánh cửa của tội lỗi đã rộng mở, con người sống với chuỗi đau khổ muôn vàn, cuộn mình trong nguồn tội lỗi, bất đức, bất thỏa ước, khước từ lòng thánh ân của Đức Thượng Đế, gieo nhân tội lỗi lan tràn trong nhân gian, đưa đến một hệ lụy tội nguyên tuyền, sang tới tội truyền thụ. Một khái niệm và một bài toán cho con người trong những kiếp sống sau.

Thiên Chúa Giáo đã mặc định rằng lịch sử cứu rỗi nằm trong mạc khải Kinh Thánh rằng bản tính con người không trở bất biến như hồi tạo dựng, nhưng nó đã bị thương tổn vì **tội lỗi** và nó đã được Đức Kitô cứu chuộc. Và điều tất yếu, Thiên Chúa Giáo dưới sự hướng dẫn của Đức Kitô, đã định hình toàn diện về thể tính cũng như bản lai của con người. Nghĩa là con người đã đi đến chỗ “tổn thương”, tác động với “thánh thể thiêng liêng”, dịch chuyển con người vào trạng thái tội lỗi.

Tất nhiên, việc chối bỏ những thỏa ước với Đấng Thiên Chúa, con người được định nghĩa sống trong vòng “**tội khởi nguyên**”, nghĩa là tội có từ nguyên tổ vi phạm từ ban sơ và đem lại hậu quả về sau cho nhân loại dưới luật của Đức Thiên Chúa. Tội ấy lại lan tràn trong suốt lịch sử tồn tại loài người. Duy chỉ chờ ơn huệ của Đức Ngài ban rải, đem lại trạng thái ban đầu thông qua sự cứu độ, hay rưới nước ma ha, làm con người phục sinh lại mà thôi.

Đi vào nguồn gốc của tội khởi nguyên, kinh Sáng Thế cho chúng ta thấy rằng con người được dựng lên theo hình ảnh của Đức Thiên Chúa, có tình nghĩa đối với Đức Ngài, tiếp diện sinh khí của Đức Thiên chúa. Tất nhiên, con người có sự thâm tình chặt chẽ và sinh hoạt trong vườn E-đen, thêm nữa con người lại có sự tương quan tốt đẹp đối với vạn vật và vũ trụ.

Ngoài điều ấy ra, điểm quan trọng mật hệ mà Thiên Chúa Giáo định nghĩa rằng con người phải sống trong một thử thách lớn của sự lựa chọn. Một, con người phải **không được** ăn cây “**biết tốt xấu**”, tức là điều tốt và xấu, nghĩa là con người phải nhận ra điều thiện, điều ác, điều nên hay hư theo tiêu chuẩn của Đức Thiên Chúa, hoàn toàn không theo khái niệm ước định của con người. Thứ hai, nếu bất tuân, sẽ dẫn đến hậu quả tội lỗi trái nghịch với Đức Thiên Chúa và sẽ “chết”.

Thực trạng đã nêu ra theo triết lý Thiên Chúa Giáo, con người đã chọn ngã rẽ thứ hai, nó như một tai họa cho loài người. Vì mất tình nghĩa với Đức Chúa, không từng khuôn tiêu chuẩn nên phải bị đuổi khỏi vườn, các mối quan hệ với thiên nhiên cũng đổ vỡ, gây nên thảm trạng mất cân bằng. Như vậy vì tội nguyên tổ đã diễn ra, cái “chết” đã đến.

Thánh Giáo Gia Tô khẳng định rằng cái chết ấy không phải là cái chết của thực thể mà là chết “**tâm hồn**”, tình liên lạc và sự mật thiết đối với Đức Thiên

Chúa đã trở nên “gập ghềnh”, khó khăn. Từ sự bội phản mất tình với Đức Chúa, con người đã không còn như thuở xưa trong “hạnh phúc” mà tội lỗi ấy vốn lan tràn, tội chồng tội tiếp diễn, con người đã đẩy lên sự tham lam, ích kỷ, hiểm độc, nguy hiểm, tự cao, ngã mạng xảy ra khắp mặt địa cầu. Vì vậy, sự trừng phạt của Thiên Nhiên như những trận thiên tai kinh khủng từng xảy ra là một điển hình cho công lý Đức Thiên Chúa.

Trong Kinh Cựu Ước, đã khắc ghi đậm tội lỗi của loài người bao trùm, chế ngự toàn nhơn loại đến đời, dẫn trong bào thai, con người vẫn cảm thấy có tội. Theo chiều hướng đó, tổ tiên lưu truyền lại cho con cháu đời sau những cái “tội” mà các nhà lãnh đạo nói rằng: *“máu của nó sẽ đổ xuống trên đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi”*.

Đối với Tân Ước, Thánh Phaolô đề cập nhiều khía cạnh liên quan đến tội của ông Adam bất tuân, lén vào thế giới, đưa đến cái “chết”, chịu những hình phạt, đã làm mất tình liên lạc với Đức Chúa một cách trực tiếp và gián tiếp cho hậu sinh. Thiên Chúa Giáo minh định sự việc này như là một “hiện tượng” căn bản. Không những thế, cái nhìn của Thiên Chúa Giáo đánh vào các vấn đề xấu xa của con người, chế ngự loài người, tức là những đam mê, dục vọng, những gì mất thiện lương đã bao phủ con người như một yếu phần bất khả ly. Đó là những hệ lụy của loài người khi mất tình liên lạc với Đức Thiên Chúa.

Kinh Cựu Ước cho rằng tội Adam đã mở màn cho tội lỗi, khai đường cho cái ác xâm chiếm và lan tràn vào thế giới như một quy luật tất yếu, chẳng những thế, điều tệ hại hơn là làm cho con người còn thù nghịch với Đức Chúa Trời. Sự chết lan tràn, tội lỗi lan tràn và tất cả mọi người đã phạm tội. Mặt khác, Thiên Chúa Giáo cũng đã giảng giải thêm một tính chất đặc sắc về tội nguyên tổ của ông Adam. Vì có tội, đã mang tội, gánh tội, chịu tội, mất liên đới với Chúa Cha rằng nói rõ “tội nguyên tổ” nhưng cũng để liên đới đến sứ mạng Con Một là Đức Chúa Kito xuống thế, ban công trình cứu độ nhân loại. Thánh Giáo Gia Tô cũng nói rằng ở đâu có tội lỗi, nơi đó có sự cứu rỗi và những ân sủng thiêng liêng, có sự tác động của những nguồn thánh linh vì diệu để cứu vớt loài người.

Mặt khác, chính vì sự dữ hiện nự, tội lỗi con người xuất hiện nên Thánh Tông Đồ Gioan nói rằng:

“Anh em đừng yêu thế gian và những gì ở trong thế gian. Kẻ nào yêu thế gian thì nơi kẻ ấy không có lòng yêu mến Chúa Cha, vì mọi sự trong thế gian: như dục vọng của tính xác thịt, dục vọng của đôi mắt và thói cậy mình có của, tất cả những cái đó không phát xuất từ Chúa Cha, nhưng phát xuất từ thế gian; mà thế gian đang qua đi cùng với dục vọng của nó. Còn ai thì hành ý muốn của Thiên Chúa thì tồn tại mãi mãi”.

Thiên Chúa Giáo cũng biện chứng các hệ quả “tội nguyên tổ” đến tình trạng nhân loại hiện nay. Tất

yếu nguyên tổ đã phạm tội và mất ơn nghĩa đối với Chúa Cha được Kinh Tân Ước nêu rõ rệt. Nhưng tội nguyên tổ đã “xảy ra chín mùi” và được khơi dậy trong các cuộc giải thích, phân trần và lý giải nhiều góc cạnh thêm trong cộng đồng Hội Thánh.

Các Giáo Phụ xưa nay hầu như khi đề cập chủ thuyết này, đều liên đới đến công trình cứu độ của Chúa Kito. Nghĩa là các vị Giáo Phụ vẫn cứu chuộc con người khỏi tội lỗi là Chúa Kito và hiểu tội lỗi là điều từ trong thân con người phát xuất ra, không phải do ông bà và cha mẹ truyền lại. Theo chiều hướng ấy, việc rửa tội là một bí tích được hiểu là sự dấn thân vào đời sống tâm linh hơn là việc rửa tội tổ tông.

Truyền thống thần học Thiên Chúa Giáo chia ra hai khái niệm, một đằng là tội nguyên tổ, mặt khác là hậu quả xấu mà con cháu đời sau phải gánh chịu, cả hai là hai vấn đề rất có liên quan nhau nhưng hoàn toàn không đồng nhất cùng nhau. Thần học định rõ bản chất của tội là việc bất tuân phục Đức Thiên Chúa và đưa đến hậu quả hậu “**nguyên tuyền**” tức là đi đến trạng thái suy đồi, xa những ân huệ của Thiên Chúa trước đó. Hiện trạng “nguyên tuyền” của con người thời xưa đã hưởng được những ân huệ của Đức Thiên Chúa, nghĩa là đạt được thông linh với Đức Chúa và chiêm ngưỡng Chúa. Ngoài ra, con người được luôn luôn ở thể tự nhiên tức là trường sinh bất tử, bình ổn luân lý trong thánh ân của Đức Chúa Trời. Tình trạng “công chính nguyên thủy” giúp con người sống thánh

thiện và thông dự vào sự sống của Đức Thiên Chúa. Thế là rõ ràng, những hồng ân được lan tỏa làm cho con người bất tử, không đau khổ, tạo sự hòa hợp giữa con người và vạn vật, duy chủ bản thân, không phải bị chi phối bởi các dục vọng, không khoái lạc, không tham lam, sống đủ đầy lý trí.

Khi đã mất ơn, bắt phục tùng Đức Thiên Chúa, con người đã hoàn toàn bị tước đi những đặc ân nêu trên, bị đùổi khỏi vườn địa đàng và con người trốn tránh Đức Thiên Chúa. “**Bản án phạm tội**” dĩ nhiên cũng tác động đến mối quan hệ giữa con người và vạn vật vũ trụ, tình trạng cũng đã không như xưa. Từ tội nguyên tổ đã dẫn đến **tội truyền thụ** cho con cháu đời sau. Quan niệm và lý giải về tội nguyên tổ không gây ra những cuộc phản biện mấy nhưng tội truyền thụ lại được nêu qua những câu hỏi thách đố, khó khăn trong lối hiểu.

Công Giáo đã lưu ý rằng “tội” cần được hiểu theo nghĩa loại suy. Con người gắn với tội truyền thụ được hiểu theo nghĩa suy đồi đạo đức, tức là không còn phù hợp với chương trình mật ước của Đức Thiên Chúa. Thiên Chúa Giáo và Tin lành có các quan điểm đôi chút khác biệt về hiện tượng hệ quả của “tội truyền thụ”.

Công Giáo cho rằng bản tính con người vốn bị tổn thương nhưng vẫn còn bảo tồn, ngược lại Tin Lành cho rằng bản tính của con người hoàn toàn đã mất đi. Dầu vậy, Thiên Chúa Giáo vẫn lạc quan nhận

định rằng dẫu “tội nguyên tổ” đã đưa đến viễn cảnh “tội truyền thụ” đã gây ra bi cảnh như trình bày các điểm mấu chốt trên nhưng vì cái tội ấy mà Đức Thiên Chúa đã cho con của Ngài là Chúa Kito xuống thế lập chương trình cứu độ nhân loại và chuộc tội cho nhân loại bằng máu của Đức Kito.

Vì vậy, Kinh Thánh cho biết rằng sự hiện diện của Đức Kito đã làm con người trở lại được làm con của Đức Thiên Chúa, móc nối với tình liên đới của con người với Đấng Thiên Chúa qua con của Ngài là Đức Kito. Có hai ông tổ là Adam và Kito, người gây ra tội, người chuộc tội. Sự giáng lâm của Đức Kito đó còn quý giá hơn mọi điều, con người cần suy nghĩ về chiều tích cực, hướng đến ánh sáng hơn là mặt trái của vấn đề, nghĩa là được trở lại vinh dự làm con của Đức Thiên Chúa.

4. Con người được phục sinh

Đức Jesus đến và không những giúp con người tái lập lại tình trạng ban đầu mà còn mở ra cho nhân loại một viễn cảnh mới. Giáo lý Hội Thánh Công Giáo đã coi công trình cứu chuộc của Đức Kito là một “ân sủng” và xếp vào đề tài luân lý nền tảng của Đạo.

Đối với nội dung cơ bản của công trình cứu chuộc của Đấng Kito, sự giáng lâm của Đấng Jesus là một việc làm giúp cho con người hưởng được những ân sủng thiêng liêng và tất nhiên con người đến được với Đức Chúa Trời không qua bản thân cá nhân mà do

trung gian Đức Kito, tức là sự hướng dẫn của Đức Jesus giúp con người nhận ra, đó là một sự hỗ trợ thánh linh, kết nối sợi dây tương thông với Đức Chúa Trời và củng cố lại quan hệ bền vững, đưa con người đến một tình trạng “nghĩa tử” trong lòng Đức Thiên Chúa.

Đức Thượng Đế cho con của Đức Ngài là Đức Chúa Jesus giáng lâm để gieo ân hồng và tái xây dựng vị thế con người khi loài người phạm thiên luật. Cho nên, Đức Thiên Chúa tiềm ẩn trong thân của Đức Chúa Kito, vì vậy con người có thể thấy được những phẩm cách và tính siêu nhiên của Đức Thiên Chúa qua Đấng Kito hiện hữu, hành động, phán dạy, con người dễ dàng cảm nhận sự hiện hữu của Đấng Thiên Chúa dấu cho Đức Chúa vẫn vô hình và siêu nhiên.

Nhưng tất cả đều đem bán Chúa Jesus và chối Đức Chúa Jesus. Một tội lỗi tiếp diễn trong dòng lịch sử tấn hóa. Đó chẳng khác nào những chuỗi mắc xích bất đức, làm con người “chết đi” trong lòng Đức Chúa Trời. Lòng thương yêu của Đức Thượng Đế vẫn vô biên, vô tận. Tình thương ấy thị hiện qua Thánh Giáo truyền dạy:

“Thầy hằng nói với các con rằng: ”Thà là các con lỗi với Thầy, thì Thầy vì lòng từ-bi mà tha-thứ, chớ chẳng nên động đến oai-linh chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, vì họ chẳng tha-thứ bao giờ”.

Thầy lại cũng đã nói: “Mỗi khi Chơn-ling Thầy giáng Đàn thì cả vàn-vàn muôn-muôn Thần, Thánh, Tiên, Phật theo hầu hạ”. Các con nếu mắt phàm thấy đặng, phải khùng-khiếp kinh-sợ vô cùng; nhưng thấy chẳng đặng, nên tội cũng giảm nhẹ đó chút.

Thất lễ là đại tội trước mắt các Đấng Chơn-ling ấy, Thầy phải “thăng” cho các con khỏi hành-phạt. Thầy chẳng buổi nào chấp trách các con, bởi lòng thương yêu hơn chấp trách rất nhiều; sợ là sợ cho các con mất đức với chư Thần, Thánh, Tiên, Phật”.

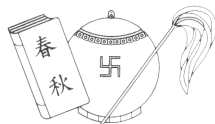
Đức Chúa Trời giáng đã bắt chấp tội lỗi con cái Người mà tiếp tục mở cơ đại ân xá qua việc khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là đạo Cao Đài, xây dựng Tân Pháp để chung sanh từ cõi chết, được **phục sinh** trở lại. Giáo pháp tận độ ấy gồm cả tinh hoa cả Tam Giáo cổ kim lại thành một bản thể đạo lý thuần nhất để con người thức tỉnh tội lỗi, xóa tội nguyên tuyền, cắt tội truyền thụ, mở trường thi công quả để chúng sanh đắc đạo.

Nhận lấy tính yếu lý của tội lỗi chúng ta, cũng như nhận thấy lòng thương yêu vô tận của Đức Thượng Đế, ta nên hối ngộ, quay đầu, thức tỉnh giấc mộng Nam Kha, nhìn nhận Đấng Tối Cao, chơn lý tối thượng, cùng nhìn nhận tình anh em, huynh đệ một nhà, khai nghiệp hòa bình chung sống, kiến tạo **thế đạo đại đồng**, đồng thúc đẩy đời sống tâm linh đến **thiên đạo giải thoát**.

Chúng ta vẫn tin rằng những tội trước kia sẽ được xóa, “bản án chết” đã bị hủy bỏ một khi chúng ta biết sám hối, ăn năn, biết được **ơn mời gọi** của Đức Thượng Đế trước mắt chúng ta. Chẳng những tội có thể xóa, nghiệp có thể tan, còn lại đặng hưởng muôn vàn hạnh phúc tinh thần khi dâng nạp thân thể, tâm hồn cho Đức Chí Tôn sử dụng. Nghĩa là đem đời sống Cao Đài một cách thánh hóa. Theo cách ấy, chúng ta đã hưởng được đặc ân thiêng liêng, trở lại vòng tay linh diệu của Đức Chúa Trời, tức là phục sinh lại với “thánh thể thiêng liêng” như Đức Thượng Đế đã gây tạo thuở sơ khai.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 27-05-2022

Khai Tâm Quách Minh Chương – 2022



Khai Tâm Quách Minh Chương